TOÀ ÁN NHÂNDÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày 04-5-2020
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Cẩm Vân.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Luận và ông Vương Thanh Chiến.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 24/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐ-HPT, ngày 17/4/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị H, sinh năm 1984; Vắng mặt

Địa chỉ: Khu dân cư N, phường TD, thành phố CL, tỉnh HD.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn H, sinh năm 1983; Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn ĐH, xã NT, huyện NS, tỉnh HD.

- *Người làm chứng:*

1- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954 và ông Trần Văn M, sinh năm 1943;

Địa chỉ: Thôn ĐH, xã NT, huyện NS, tỉnh HD.

2- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Khu dân cư N, phường TD, thành phố CL, tỉnh HD;

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 10 năm 2019 cùng các bản tự khai và trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn, chị Phùng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã NT, huyện NS, tỉnh HD vào ngày 12/12/2007 (Giấy đăng ký số 35, quyển số 01). Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng gia đình chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H chơi bời, không chịu làm ăn làm ảnh hưởng đến kinh tế vợ chồng; Để cải thiện cuộc sống vợ chồng chị đã gửi các con cho hai bên ông bà nội - ngoại nhờ chăm sóc hộ để đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Tuy nhiên thời gian xa nhau về khoảng cách địa lý vẫn không làm cho cuộc sống vợ chồng được cải thiện mà tình cảm giữa hai người ngày càng phai nhạt. Cuối năm 2018 chị về nước mong hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H lại đi lái xe thuê thường xuyên vắng nhà, bỏ mặc chị và các con; không quan tâm, chăm lo cho vợ và các con nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ tháng 5 năm 2019 và ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Trần Văn Hoàng H, sinh ngày 20/01/2009 và Trần Khánh H, sinh ngày 19/8/2012, hiện cháu Huyền do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Hải đang do anh H và ông bà nội nuôi dưỡng. Chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Khánh H, còn giao cháu Trần Văn Hoàng H cho anh H và ông bà nội nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn trình bày ghi ngày 06/02/2020 anh Trần Văn H trình bày: Do công việc của anh thường xuyên phải đi xa, vắng nhà nên anh không thể có mặt tại Tòa án trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Anh đồng ý TAND huyện Nam Sách giải quyết vụ án và xin phép được vắng mặt. Anh đồng ý ly hôn vì vợ chồng anh ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai. Về con chung anh đồng ý với quan điểm của chị H, hiện tại do anh đi làm ăn nay đây mai đó nên anh sẽ nhờ bố mẹ đẻ anh chăm sóc con chung. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của những người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ chị H) trình bày: Quá trình vợ chồng anh H chị H chung sống từ năm 2007 đến nay có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H chơi bời, nợ nần, cờ bạc, không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ con. Chán nản nên chị H về gia đình bà sống từ tháng 5/2019 đến nay. Trong thời gian chị H ở gia đình bà, chị H điện thoại để liên lạc với anh H nhưng anh H không muốn nói

chuyện, cũng không có ý muốn đoàn tụ. Gia đình bà cũng động viên chị H quay về để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị H không đồng ý. Quan điểm của gia đình bà: Hiện tại mâu thuẫn giữa chị H, anh H đã trầm trọng, nhưng việc anh chị ấy chung sống được với nhau hay không do anh chị ấy tự quyết định. Vợ chồng chị H có 02 con chung, hiện cháu Huyền đang sống cùng gia đình bà và chị H, còn cháu Hải đang sống cùng với bố và ông bà nội. Bà đề nghị Tòa án giao cháu Huyền cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, gia đình bà sẽ tạo điều kiện, hỗ trợ cho chị H chăm sóc cháu.

Ông Trần Văn M (tên gọi khác Trần Trọng T) và bà Nguyễn Thị N là bố mẹ đẻ của anh H trình bày: Quá trình vợ chồng anh H chị H chung sống có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H chơi bời, nợ nần nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau về vấn đề kinh tế gia đình. Sau đó cả hai vợ chồng đều đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, anh H về nước trước và đi lái máy cẩu, còn chị H đến năm 2018 về nước và vẫn về sống cùng gia đình ông, nhưng trong thời gian đó vợ chồng mâu thuẫn nên chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sống. Nguyện vọng của gia đình ông bà là muốn vợ chồng anh H, chị H đoàn tụ, còn nếu không đoàn tụ được thì việc ăn ở cùng với nhau nữa hay không do anh chị ấy tự quyết định. Về con chung: Ông bà xác định vợ chồng anh H, chị H có 02 con chung, cháu lớn đang sống cùng với ông bà và anh H, còn cháu nhỏ đang sống cùng với chị H; Việc giải quyết con chung của anh H, chị H do anh chị ấy tự quyết định, ông bà không có ý kiến gì. Hiện anh H vẫn có hộ khẩu thường trú và sống tại gia đình ông bà, nhưng do anh làm lái xe đường dài, nên mỗi lần đi lái xe là đi một thời gian dài mới về nhà, vì vậy thường xuyên vắng mặt ở nhà. Lần gần đây nhất anh H về nhà ăn tết khoảng một tháng cùng ông bà và nói chuyện việc vợ chồng anh nhất trí ly hôn và nuôi con. Anh H đã viết đơn trình bày gửi Tòa vì anh đi làm xa không thể có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án và bà Nhung đã ký xác nhận.

Xác minh Ủy ban nhân dân xã ND: Anh Trần Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn ĐH, xã NT, huyện NS, anh H sống cùng với bố mẹ đẻ, anh H đi làm ăn xa nên thường xuyên vắng mặt tại địa phương, nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà.

Tại phiên tòa, chị Phùng Thị H và anh Trần Văn H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cần, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh H là đúng pháp

luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Phùng Thị H ly hôn Trần Văn H. Về con chung: Giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Khánh H, sinh ngày 19/8/2012, giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Văn Hoàng H, sinh ngày 20/01/2009 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên, bị đơn đều xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố* tụng: Tòa án nhân dân huyện Nam Sách đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo, các giấy triệu tập đến phiên họp, hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến phiên tòa cho anh Trần Văn H và mẹ anh H. Anh H đã có đơn trình bày đề ngày 06/02/2020, đề nghị vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án. Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị H, anh H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phùng Thị H và anh Trần Văn H kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình nên xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do anh H chơi bời, nợ nần, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng. Từ những thiệt hại kinh tế chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng, không quan tâm, chia sẻ, không ai quan tâm đến ai và thực tế hai bên đã sống ly thân từ lâu. Tháng 5/2019 chị H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sống, nhưng anh H không tìm gặp hay đón mẹ con chị H về đoàn tụ bởi bản thân anh cũng đi làm thuê xa nhà. Hai bên gia đình cũng đã nhiều lần động viên khuyên anh chị về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng anh H nên xin ly hôn. Bản thân anh H cũng xác định vợ chồng ly thân đã lâu không còn tình cảm với nhau nên anh đồng ý ly hôn. Như vậy, cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh H đã nhiều năm không hạnh phúc bởi mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H.

[2] *Về quan hệ con chung:* Chị Phùng Thị H và anh Trần Văn H có 02 con chung là Trần Khánh H, sinh ngày 19/8/2012, và Trần Văn Hoàng H, sinh ngày 20/01/2009. Chị H đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Khánh H, còn giao cháu Trần Văn Hoàng H cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, anh H đồng ý. HĐXX xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung của các bên hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của hai con. Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Khánh H, giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Văn Hoàng H, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

[3] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Chị Phùng Thị H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H không có ý kiến về quan hệ tài sản chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí:* Chị Phùng Thị H xin ly hôn, nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Phùng Thị H ly hôn anh Trần Văn H.

2. *Về con chung:* Giao con Trần Khánh H, sinh ngày 19/8/2012 cho chị Phùng Thị H tiếp tục nuôi dưỡng; giao con Trần Văn Hoàng H, sinh ngày 20/01/2009 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị H, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. *Về án phí*: Chị Phùng Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm dân sự được đối trừ với 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị đã

nộp tại biên lai số AA/2017/0008401 ngày 29/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách. Chị H đã nộp đủ án phí

Nguyên, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện Nam Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện Nam Sách;
- UBND xã NT , H. Nam Sách;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Cẩm Vân

Hội thẩm nhân dân		**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Nguyễn Thanh Chiến	**Trần Thị Luận**	**Trịnh Cẩm Vân**